

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Ninh Lai - Thiện Kế, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Cụm công nghiệp Ninh Lai – Thiện Kế, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ ngày 08/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Ninh Lai – Thiện Kế, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;

Xét Văn bản số 273/TTr-STNMT ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Ninh Lai - Thiện Kế, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Ninh Lai - Thiện Kế, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (sau đây gọi là Dự án) của Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và Thương mại Thanh Giang làm Chủ đầu tư (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh; (Báo cáo)
- Các PCT UBND tỉnh; (Báo cáo);
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- UBND huyện Sơn Dương;
- Công ty TNHH XD&TM Thanh Giang;
- Thành viên HĐĐT Báo cáo ĐGTDMT dự án;
- Chuyên viên KS, XD;
- Lưu VT, Đ(30).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thế Giang

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP
NINH LAI – THIÊN KẾ, HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung (theo Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 và Quyết định số 676/QĐ ngày 08/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Ninh Lai - Thiên Kế, huyện Sơn Dương.

- Địa điểm thực hiện: Thôn Ba Nhà, thôn Cây Cọ, xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Chủ đầu tư: Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và Thương mại Thanh Giang; mã số doanh nghiệp 5000227095; địa chỉ: Số 272, đường Minh Thanh, tổ 16, phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Các ngành nghề hoạt động chủ yếu: Công nghiệp hỗ trợ, cơ khí, tự động hóa, chế biến nông lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất thủ công nghiệp và các ngành nghề công nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

- Tổng vốn đầu tư (tạm tính): 657 tỷ đồng.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất (Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 17/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương)

- Quy mô diện tích sử dụng đất: 749.801 m²

- Quy mô xây dựng: Hoàn thành khu nhà trung tâm điều hành và dịch vụ; các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án sản xuất, kinh doanh, đường giao thông nội bộ và các công trình phụ trợ...

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường: Đánh giá tác động môi trường và đề xuất các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động môi trường của dự án trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp và giai đoạn Cụm công nghiệp đi vào hoạt động (không bao gồm đánh giá tác động môi trường của dự án thứ cấp; các dự án thứ cấp được đánh giá tác động môi trường riêng).

1.3. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án (Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 17/9/2022)

3.1.1. Quy hoạch sử dụng đất Cụm công nghiệp:

- Đất trung tâm điều hành diện tích 0,76 ha.

- Đất thương mại dịch vụ diện tích 0,59 ha.

- Đất nhà máy, xí nghiệp diện tích 52,5 ha.

- Đất xây dựng khu kỹ thuật diện tích 0,78 ha.
- Đất cây xanh diện tích 12,19 ha.
- Đất giao thông diện tích 8,15 ha.

3.1.2. Giải phóng mặt bằng, san nền dự án trên diện tích 74,98 ha theo quy hoạch chi tiết xây dựng đã được Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương phê duyệt tại Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 17/9/2022. Cao độ san nền thấp nhất +54,5 m, cao độ san nền cao nhất +56,0 m.

- Hệ thống giao thông gồm 02 trục đường đôi có mặt cắt 1-1 vuông góc với đường Quốc lộ 2C và trục đường kết nối vuông góc với trục đường đi Thiện Kế qua cầu Thiện Kế. Từ 02 trục chính, mở tuyến đường vào các lô đất.

- Hệ thống cấp nước: Xây dựng 01 trạm cấp nước sạch từ nguồn nước mặt sông Phó Đáy; mạng lưới cấp nước và đường ống phân phối sử dụng ống HDPE.

- Hệ thống cấp điện: Đầu nối từ đường dây 35kV xã Sơn Nam; xây dựng trạm biến áp cung cấp điện cho Cụm công nghiệp; hệ thống điện 35kV được thiết kế theo dạng mạch vòng vận hành hồ sử dụng hệ thống cáp trung thế 35kV.

- Hệ thống thoát nước mưa: Bố trí mạng lưới cống thoát nước mưa theo dạng nhánh, chạy dọc theo các lô đất quy hoạch. Các tuyến cống thu gom nước từ các lô đất có kết cấu BTCT kích thước D600-D800. Các tuyến cống thoát chính có kết cấu BTCT kích thước D1.000-D1.500 kết nối thoát ra cửa xả D2.000.

- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải: Hệ thống thoát nước thải của Cụm công nghiệp được thiết kế độc lập với hệ thống thoát nước mưa; xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.000 m³/ngày.đêm; bố trí 01 cửa xả ra sông Phó Đáy; 01 bể sự cố và 01 hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.

- Các hạng mục, công trình phụ trợ khác thực hiện theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.4. Yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích khoảng 0,39 ha đất trồng lúa 02 vụ (theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 28 Luật bảo vệ môi trường).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng

- Hoạt động phát quang thảm thực vật chuẩn bị mặt bằng của dự án (74,98 ha) phát sinh bụi, khí thải, chất thải rắn thông thường, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

- Hoạt động thi công san nền, thi công hạ tầng giao thông, cấp thoát nước, hệ thống điện, hệ thống thu gom xử lý nước thải và các hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất đá phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, rác

thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường (đất đá thải, sinh khối phát sinh trong quá trình thi công xây dựng), chất thải nguy hại.

2.2. Giai đoạn hoạt động: Hoạt động của các công ty, nhà máy, xí nghiệp thứ cấp, khu thương mại dịch vụ trong Cụm công nghiệp phát sinh nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung, mùi hôi, bùn thải phát sinh từ trạm xử lý nước cấp, trạm xử lý nước thải tập trung.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công khoảng 2,25-4,5 m³/ngày.đêm, thành phần gồm các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật,...

- Nước thải từ hoạt động xịt rửa các máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển khoảng 6m³/ngày.đêm, thành phần chủ yếu bao gồm bùn đất, chất rắn lơ lửng (SS), dầu mỡ,...

b) Giai đoạn vận hành hoạt động

- Nước thải sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ hoạt động ăn uống, vệ sinh của cán bộ, công nhân làm việc tại các nhà máy thứ cấp trong Cụm công nghiệp với thải lượng khoảng 351 m³/ngày.đêm, thành phần gồm các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật,...

- Nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động của các nhà máy thứ cấp trong Cụm công nghiệp với thải lượng khoảng 1.517 m³/ngày.đêm, thành phần chủ yếu bao gồm chất rắn lơ lửng (SS), màu, BOD, COD, nitơ (N), phốt pho (P), dầu mỡ, kim loại, Coliform...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phát quang mặt bằng dự án (74,98 ha). Thành phần chủ yếu gồm bụi, SO₂, NO_x, CO, VOCs,...

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các máy móc, phương tiện, thiết bị phục vụ thi công xây dựng Dự án. Thành phần chủ yếu gồm bụi, SO₂, NO_x, CO, VOCs,...

b) Giai đoạn vận hành hoạt động

- Bụi và khí thải phát sinh từ các hoạt động của các nhà máy trong Cụm công nghiệp. Thành phần chủ yếu gồm bụi, khí SO₂, NO_x, CO, các hợp chất hữu cơ bay hơi,...

- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong phạm vi Cụm công nghiệp. Thành phần chủ yếu gồm bụi, khí CO, CO₂, SO₂, VOCs, NO_x,...

- Bụi, khí thải và mùi hôi phát sinh từ quá trình hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung, kho chứa chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường. Thành phần chủ yếu gồm mùi hôi, khí H₂S, CH₄ từ quá trình phân hủy kỵ khí các chất hữu cơ,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng

- Hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh sinh khối với khối lượng khoảng 2.816 tấn. Thành phần chủ yếu gồm chất thải thực bì, cây cỏ, rễ cây,...

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân lao động có khối lượng khoảng 15 - 30 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm các loại bao bì, vỏ lon đựng nước giải khát, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

- Đất đá từ quá trình san gạt mặt bằng vận chuyển ra khỏi công trình khoảng 15.659.345 m³ và khoảng 436 m³ đất đá từ quá trình đào móng công trình.

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng các công trình với khối lượng khoảng 411 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: vỏ bao xi măng, đất đá, cát sỏi, que hàn, carton, gỗ dán, xà bần, dây điện, ống nhựa, kính....

b) Giai đoạn vận hành hoạt động

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt, ăn uống của cán bộ, công nhân lao động làm việc tại các nhà máy trong Cụm công nghiệp, phát sinh khoảng 3,0 tấn/ngày. Thành phần chủ yếu gồm hữu cơ (thức ăn thừa, vỏ hoa quả,...), vô cơ (vỏ bao bì túi nilon, lon nước ngọt,...).

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường từ các nhà máy trong Cụm công nghiệp phát sinh khoảng 35 tấn/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm nguyên vật liệu dư thừa, vụn kim loại, sản phẩm lỗi, palet, nilon, carton,...

- Bùn thải phát sinh từ trạm xử lý nước cấp của Cụm công nghiệp khoảng 50 kg/ngày.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng: Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình chuẩn bị, thi công xây dựng dự án khoảng 10-15 kg/tháng, thành phần chủ yếu là giẻ lau dính dầu mỡ, vỏ thùng sơn, bao bì chứa sơn, vỏ dầu hộp mỡ thải.

b) Giai đoạn vận hành hoạt động:

- Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất của các nhà máy trong Cụm công nghiệp dự báo phát sinh khoảng 7,0 tấn/tháng. Thành phần chủ yếu bao gồm bóng đèn huỳnh quang thải; giẻ lau dính dầu mỡ trong quá trình

sửa chữa máy móc sản xuất; bao bì đựng hóa chất thải; các dịch thải từ quá trình dệt, nhuộm vải; dầu bóng, dầu công nghiệp thải, cặn sơn,...

- Bùn thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp khoảng 242,5 kg/ngày.

Khối lượng, thành phần các loại chất thải nguy hại của các nhà máy thứ cấp sẽ được chủ dự án thứ cấp đánh giá trong hồ sơ môi trường của các dự án thứ cấp.

3.3. Tiếng ồn và độ rung

a) Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện, máy móc, thiết bị thi công san nền, thi công xây dựng, phương tiện vận chuyển.

- Tiếng ồn, rung chấn từ hoạt động khoan nổ mìn phá đá.

b) Giai đoạn vận hành hoạt động

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm ra vào Cụm công nghiệp.

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc, thiết bị sản xuất từ các nhà máy, xí nghiệp thứ cấp trong Cụm công nghiệp.

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của trạm xử lý nước cấp, trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp.

3.4. Các tác động khác

a) Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng

- Ảnh hưởng đến sinh kế của người dân do bị mất đất canh tác, đất trồng rừng sản xuất để thực hiện dự án.

- Thay đổi cơ cấu sử dụng đất nông nghiệp, phát sinh khoảng 780 m³ đất bóc tầng đất mặt (đất bóc hữu cơ) phải quản lý theo quy định tại Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ.

- Nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn đất xuống khu vực thấp, trũng xung quanh gây tắc nghẽn hệ thống tiêu thoát nước khu vực.

- Xuống cấp các tuyến đường giao thông do hoạt động vận chuyển đất đá, nguyên vật liệu của dự án; nguy cơ gây ùn tắc giao thông tại khu vực thi công và các tuyến đường sử dụng để vận chuyển do gia tăng mật độ phương tiện giao thông.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất trật tự an ninh xã hội khu vực dự án.

- Rủi ro, sự cố: Sự cố bom mìn sót lại trong chiến tranh; sự cố liên quan đến quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; tai nạn lao động; tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ, các nguy cơ mất an toàn khác.

b) Giai đoạn vận hành hoạt động: Hoạt động sản xuất của nhà máy trong Cụm công nghiệp có thể xảy ra tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy nổ, sự cố rò rỉ hóa chất, sự cố các công trình xử lý chất thải,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí 05 nhà vệ sinh di động đặt tại công trường và hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút bể phốt nhà vệ sinh di động định kỳ 01 tháng/lần (hoặc khi đầy bể) và đem đi xử lý theo quy định.

- Nước thải rửa thiết bị, xe vận chuyển: Bố trí hố thu nước thải, dung tích 6m³, kết cấu xây gạch, đáy đổ bê tông cốt thép, lắp lưới chắn dầu mỡ tại cửa xả đảm bảo nước thải lưu tối thiểu là 1,5 giờ trước khi thải vào tuyến thoát tạm thời.

b) Giai đoạn vận hành hoạt động

- Nước thải từ các nhà máy (bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất) được thu gom, xử lý bằng công nghệ phù hợp theo đặc thù sản xuất đảm bảo đạt mức B, Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT đối với nước thải sản xuất và mức B, Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT đối với nước thải sinh hoạt trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải và đưa về Trạm xử lý nước thải tập trung 2.000 m³/ngày.đêm của Cụm công nghiệp (CCN) để xử lý đạt mức A, QCVN 40:2011/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Quy trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 3 ngăn → Hệ thống thu gom nước thải của CCN → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN công suất 2.000 m³/ngày.đêm.

Quy trình thu gom, xử lý nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất → Công trình xử lý sơ bộ tại các nhà máy với công nghệ phù hợp theo đặc thù sản xuất → Hệ thống thu gom nước thải của CCN → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN công suất 2.000 m³/ngày.đêm.

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN được thu gom về bể chứa bùn, dẫn sang bể nén bùn sau đó đưa lên máy ép bùn và vận chuyển về kho lưu giữ bùn thải. Bùn thải này phải được lấy mẫu phân tích để xác định ngưỡng nguy hại theo QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước; quản lý và xử lý theo loại chất thải tương ứng theo quy định.

- Lắp đặt và vận hành 01 hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục tại điểm xả nước thải sau xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận đối với các thông số lưu lượng (đầu vào, đầu ra), pH, nhiệt độ, COD, chất rắn lơ lửng, màu, amoni. Dữ liệu được kết nối để truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang theo quy định.

- Chỉ thu hút đầu tư các dự án thứ cấp phù hợp với các nhóm ngành nghề theo phạm vi đầu tư của dự án, phù hợp với khả năng tiếp nhận, xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Bố trí cán bộ phụ trách công tác quản lý môi trường để giám sát, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị thứ cấp chấp hành quy định pháp luật bảo vệ môi trường, đấu nối và xử lý nước thải đảm bảo yêu cầu của Cụm công nghiệp.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành dự án đạt Quy chuẩn 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B với các hệ số $Kq = 0,9$, $Kf = 1$; đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng

- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập kế hoạch tổ chức thi công như các biện pháp thi công, biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, bố trí kho, bãi nguyên vật liệu.

- Lập hàng rào bằng tôn, bạt cao 2 – 3 m xung quanh khu vực công trường thi công; chỉ sử dụng những phương tiện, máy móc được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất đá,...; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường vận chuyển, đảm bảo thi công tới đâu sạch tới đó; lắp đặt 02 cầu rửa xe tại công trường, tất cả các xe đều được rửa sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường.

- Tưới nước thường xuyên ở trong công trường và xung quanh khu vực dự án với tần suất thực hiện tối thiểu 4 lần/ngày.

- Bố trí công nhân thực hiện thu dọn đất, đá rơi vãi tại khu vực cổng công trường thi công, các vị trí rơi vãi đất đá trên tuyến đường vận chuyển và định kỳ 02 lần/ngày thực hiện rửa đường trong phạm vi 500m tính từ vị trí dự án.

b) Giai đoạn vận hành hoạt động

- Yêu cầu nhà máy sản xuất trong Cụm công nghiệp phải có biện pháp, công trình xử lý bụi, khí thải phù hợp với đặc thù sản xuất đảm bảo quy định hiện hành; thực hiện giám sát chất lượng không khí khu vực sản xuất, chất lượng khí thải sau xử lý theo đúng tần suất đã cam kết của từng nhà máy.

- Thường xuyên vệ sinh, quét dọn sân đường nội bộ hạn chế phát tán bụi từ mặt đường, sân công nghiệp.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt định kỳ hằng ngày.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để kiểm soát và giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng và vận hành; đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường và QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng

- Sinh khối thực vật phát quang: Chủ yếu là cây gỗ, hoa màu để người dân thu hoạch trước khi bàn giao mặt bằng dự án.

- Bố trí khu vực có diện tích đảm bảo lưu giữ đất đá trong phạm vi công trường thi công để tận thu đất đá từ quá trình san gạt mặt bằng sử dụng làm vật liệu đắp cho các công trình trên địa bàn huyện Sơn Dương và vùng lân cận sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của Luật Khoáng sản.

- Bố trí 01 khu vực trong khuôn viên mặt bằng dự án với diện tích khoảng 250 m² để lưu chứa lượng đất bóc hữu cơ để quản lý, sử dụng theo quy định tại Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ.

- Bố trí các thùng chứa rác sinh hoạt của công nhân thi công và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Các chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế: Bao xi măng, đầu mẩu thép, tôn, gỗ, ... được thu gom, lưu giữ, tái sử dụng hoặc chuyển giao theo quy định; các chất thải không thể tận dụng được, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành hoạt động

- Quản lý chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường theo quy định; bố trí khu vực thu gom rác thải sinh hoạt, hợp đồng đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý hằng ngày theo quy định.

- Yêu cầu các nhà máy trong Cụm công nghiệp phải thực hiện nghiêm việc thu gom, phân loại chất thải và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý các loại chất thải sinh hoạt và chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng

- Bố trí các thùng chứa có nắp đậy (dung tích 100 lít) để lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo không để rò rỉ, rơi vãi ra ngoài môi trường. Khu lưu giữ được bố trí tại vị trí thích hợp trong khuôn viên công trường thi công.

- Sau khi kết thúc thi công xây dựng, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý tiêu hủy theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành hoạt động

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu chứa trong các thùng có dán mã chất thải nguy hại tương ứng, lưu chứa tại kho chứa chất thải nguy hại diện tích 6 m².

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý theo quy định.

- Phân tích xác định ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải để quản lý theo quy định; hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý tiêu hủy theo quy định.

Quy định áp dụng: Thu gom, xử lý các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, QCVN 07:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng

- Chỉ sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, đã được đăng kiểm theo quy định; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; trang bị dụng cụ bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân; các máy móc gây tiếng ồn lớn sẽ không vận hành vào ban đêm và hạn chế vận hành đồng thời.

- Hợp đồng thuê đơn vị có chức năng thực hiện công tác khoan, nổ mìn đá đảm bảo khoảng cách an toàn do đá văng, chấn động nền, sóng không khí khi nổ mìn và tuân thủ nghiêm quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo quy định của pháp luật.

b) Giai đoạn vận hành hoạt động

- Tuyên truyền giáo dục ý thức cho công nhân, người lao động có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, giữ trật tự khi tan ca, nghỉ trưa.

- Yêu cầu các nhà máy trong Cụm công nghiệp định kỳ bảo dưỡng, bôi trơn máy móc, thiết bị sản xuất và phải có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn độ rung phát sinh từ quá trình sản xuất kinh doanh của đơn vị mình.

- Trồng cây xanh đảm bảo diện tích theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

a) Thực hiện phương án trồng rừng thay thế đối với phần diện tích rừng bị chiếm dụng bởi dự án theo quy định của pháp luật về Lâm nghiệp.

b) Thiết kế, xây dựng tường rào chắn và bố trí trồng dải băng cây xanh cách ly tại khu vực tiếp giáp với trang trại chăn nuôi lợn; thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước trong việc đảm bảo an toàn, phòng, chống dịch bệnh cho trang trại chăn nuôi lợn theo quy định của pháp luật về Chăn nuôi.

c) Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường: Tính toán thiết kế hệ thống xử lý nước thải tập trung và lắp đặt các thiết bị dự phòng để kịp thời khắc phục khi có sự cố; xây dựng bể sự cố đảm bảo lưu chứa toàn bộ nước thải tối thiểu 02 ngày (48 giờ) để ứng phó với trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố.

d) Thực hiện công tác rà phá bom mìn trong toàn bộ khu vực Dự án trước khi triển khai thi công xây dựng.

đ) Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình thi công; dựng hàng rào trong phạm vi không gian và thời gian cho phép; lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và bố trí công nhân hướng dẫn phân luồng trong suốt thời gian thi công.

e) Trang bị đầy đủ hệ thống cảnh báo cháy tại các khu vực nhà điều hành, công trình phụ trợ của Cụm công nghiệp; đối với mỗi nhà máy phải tự lắp đặt đầy đủ hệ thống phòng cháy chữa cháy riêng theo đặc thù sản xuất; tính toán, thiết kế, xây dựng, lắp đặt các phương tiện, lối thoát hiểm ở nhà xưởng và các công trình; ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn; quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy; thường xuyên tổ chức tập huấn nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy và bố trí lực lượng thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ; lập phương án phòng cháy và chữa cháy trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

g) Thường xuyên kiểm tra, khơi thông dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng; trang bị máy bơm lưu động chống ngập úng.

h) Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung phải được lấy mẫu phân tích để xác định ngưỡng nguy hại theo QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước; quản lý và xử lý theo loại chất thải tương ứng theo đúng quy định.

i) Bùn đất phát sinh do nạo vét cống rãnh trong Cụm công nghiệp được hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình quản lý môi trường

a) *Nội dung thực hiện:* Theo nội dung tại mục 4.1 Chương IV, Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

b) *Trách nhiệm thực hiện:* Chủ đầu tư dự án và nhà thầu thi công.

5.2. Chương trình giám sát môi trường

5.2.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng

a) Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát: 03 vị trí tại khu vực công trường; 02 vị trí tại khu dân cư.

- Chỉ tiêu giám sát: Bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂, tiếng ồn, độ rung

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần (4 lần/năm).

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 02: 2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 24:2016/BYT; QCVN 26:2016/BYT; QCVN 27:2016.

b) Chất thải rắn

- Vị trí giám sát: Tại khu vực tập trung rác thải, chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: Khối lượng CTR sinh hoạt, CTR xây dựng

- Tần suất giám sát: Hằng ngày.

Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

c) Giám sát an toàn nổ mìn

Thực hiện giám sát chấn động và ảnh hưởng tác động do sóng không khí trong quá trình nổ mìn phá đá theo quy định của pháp luật.

5.2.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành hoạt động

a) Giám sát nước thải

➤ Giám sát tự động, liên tục

- Vị trí giám sát: Tại mương quan trắc nước thải sau bể khử trùng của Trạm xử lý nước thải tập trung.

- Thông số giám sát: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD, Amoni.

- Tần suất giám sát: Liên tục

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, mức A ($K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$).

➤ *Giám sát nước thải định kỳ*

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại bể thu gom đầu vào Trạm xử lý nước thải tập trung và 01 vị trí tại mương quan trắc nước thải sau bể khử trùng của Trạm xử lý nước thải tập trung.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, SS, kim loại nặng (As, Hg, Pb, Cr³⁺, Cr⁶⁺, Cu, Zn, Cd, Mn, Fe), tổng dầu mỡ khoáng, sunfua, tổng nitơ, tổng photpho, clorua, clo dư, Coliform

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, mức A (K_q = 0,9; K_f = 1,0).

b) Giám sát bùn thải

- Vị trí: Tại bể chứa bùn thải của Trạm xử lý nước thải tập trung

- Tần suất giám sát: 01 lần/năm.

- Thông số giám sát: As, Cd, Pb, Zn, Ni, Hg, Cr⁶⁺, CN⁻, tổng dầu mỡ.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 50:2013/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

c) Giám sát chất thải rắn

- Vị trí giám sát: Tại khu vực tập trung rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp, chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, rác thải công nghiệp, chất thải nguy hại.

- Tần suất: Hằng ngày.

- Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm tuân thủ và thực hiện các nội dung sau đây:

6.1. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

6.2. Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về thủy lợi, đất đai, tài nguyên nước, bảo vệ và phát triển rừng, hành lang bảo vệ nguồn nước và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động triển khai xây dựng và vận hành của Dự án.

6.3. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác tại khu vực trong quá trình thi công xây dựng; tuân thủ quy định của pháp luật về Chăn nuôi và thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý liên quan đến trang trại chăn nuôi lợn khi triển khai thực hiện dự án; thực hiện đầy đủ

nội dung tại Văn bản số 39/CV-TG ngày 27/7/2023 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và Thương mại Thanh Giang (chủ đầu tư dự án).

6.4. Tuân thủ đúng công tác khoan nổ mìn phá đá theo thiết kế tại những vị trí được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, phải có hộ chiếu khoan, nổ mìn và thuê đơn vị có chức năng, chuyên nghiệp thực hiện.

6.5. Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn lao động, ngập lụt, cháy, nổ và các rủi ro và sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công và vận hành Dự án; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và các công trình khu vực Dự án.

6.6. Chỉ thu hút vào Cụm công nghiệp các dự án đầu tư thứ cấp có công nghệ (sản xuất, xử lý chất thải) tiên tiến, hiện đại, đảm bảo an toàn về môi trường và tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành.

6.7. Thực hiện giám sát tự động, liên tục nước thải và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.8. Có trách nhiệm giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai dự án; đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.9. Lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường để được cấp Giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020./.
